TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST
Ngày 12 - 8 - 2019
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H , TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Đặng Thế Phong

2. Bà Khuất Thị Toàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Yến - Thư ký viên TAND thành phố H

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2019/TLST-DSTC ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐ-ST, ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức N - Giám đốc Chi nhánh Hà Giang.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Đức N- Phó giám đốc kiêm trưởng phòng khách hàng Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang *(Quyết định v/v uỷ quyền tham gia tố tụng số 245A/2018/QĐ-LPBHG-GĐ ngày 20/02/2019 của Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang)*. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 13 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Ông Hoàng Trung T. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai ngày 20/3/2019 và tại phiên toà, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 06 tháng 02 năm 2015 Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang *(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng)* đã ký Hợp đồng tín dụng số 163/TDH/2015/240 với ông Hoàng Trung T để cho ông vay số tiền 130.000.000đ *(Một trăm ba mươi triệu đồng),* mục đích vay để mua sắm vật dụng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn cho vay là 48 tháng, không có tài sản bảo đảm, lãi suất kỳ đầu tiên cố định 0%/năm trong 3 tháng đầu tiên *(Khách hàng được hưởng ưu đãi theo chương trình "Vốn vay kịp thời - cơ hội kịp lúc").* Sau thời gian ưu đãi lãi suất cho vay được áp dụng theo công thức: LSCV = Lãi suất tiết kiệm 13 tháng, lãi trả sau + 4,2%/năm. Phương thức trả nợ gốc và lãi: Trả gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả vào ngày 25 hàng tháng. Gốc trả làm 48 kỳ, 47 kỳ đầu trả 2.708.000đ, kỳ cuối trả 2.724.000đ; Kỳ hạn trả lãi: Trả vào 25 hàng tháng, theo dư nợ gốc giảm dần. Căn cứ vào thoả thuận hợp tác và xác nhận của cơ quan ông T đang công tác là Uỷ ban MTTQ huyện Q và các thủ tục vay vốn của ông Hoàng Trung T. Ngày 06/02/2015 Ngân hàng đã giải ngân cho ông Hoàng Trung T số tiền 130.000.000đ.

Sau khi nhận khoản tiền vay của Ngân hàng ông Hoàng Trung T đã thanh toán cho Ngân hàng được 24 kỳ nợ gốc, với số tiền là 64.992.000,đ. Kể từ ngày 25/02/2017 ông Tkhông thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng cả tiền gốc, tiền lãi phát sinh và có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Khoản vay đã phát sinh nợ quá hạn, ông Hoàng Trung T đã vi phạm cam kết hợp đồng ký với Ngân hàng. Ngân hàng đã tiến hành làm việc với lãnh đạo cơ quan nơi ông T công tác được biết ông T hiện nay đã xin nghỉ việc theo chế độ 108 từ tháng 6/2016 và bỏ trốn khỏi nơi cư trú; Ngân hàng cũng nhiều lần làm việc với ông T đề nghị thanh toán khoản vay cho Ngân hàng theo thoả thuận nhưng ông T cố tình trốn tránh không hợp tác, không thanh toán khoản nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử 12/8/2019 ông Hoàng Trung T phải trả cho Ngân hàng là 93.314.919,đ; Trong đó tiền gốc là 65.008.000đ; Lãi dự thu là 8.004.537,đ; Lãi phạt dự thu là 2.613.426,đ; Gốc phạt dự thu là 17.688.956,đ.

Tại phiên toà đại diện nguyên đơn đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Hoàng Trung T phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 12/8/2019 là 93.314.919,đ *(Chín mươi ba triệu ba trăm mười bốn nghìn chín trăm mười chín đồng)* và các khoản lãi tiếp tục phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi ông T trả xong các khoản nợ.

* Bị đơn ông Hoàng Trung T: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông T đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng qua xác minh, đại diện Thôn T, xã H, Công an xã H, huyện B cung cấp hiện nay ông T đã đi khỏi nơi cư trú không có mặt tại địa bàn, khi ông T nghỉ việc ông có về quê nhưng hiện nay đi đâu, làm gì thôn và xã không nắm được. Khi đi khỏi

nơi cư trú ông T không thông báo về việc thay đổi nơi cư trú, không báo tạm vắng nên chính quyền địa phương nơi ông T đăng ký tạm trú không biết hiện nay ông đang cư trú ở đâu. Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định chung.

* Ý kiến của đại diện VKSND thành phố H:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong qúa trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứ cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71- BLTTDS. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 - BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 280, 357 BLDS năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Hoàng Trung T trả số tiền nợ gốc là 65.008.000đ; Lãi dự thu là 8.004.537,đ; Lãi phạt dự thu là 2.613.426,đ; Gốc phạt dự thu là 17.688.956,đ. Tổng số nợ tính ngày xét xử 12/8/2019 là 93.314.919,đ và lãi phát sinh kể từ ngày 13/8/2019 đến khi ông T trả hết nợ.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang. Địa chỉ: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Hoàng Trung T; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Bị đơn ông Hoàng Trung T đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông Ttheo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang đồng ý cho ông Tvay số tiền 130.000.000,đ *(Một trăm ba mươi triệu đồng),* mục đích vay để mua sắm vật dụng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn cho vay là 48 tháng, không có tài sản bảo đảm, ông T cam kết trích trả bằng tiền lương hàng tháng nhưng không thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, xác định tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng Tín dụng (Hợp đồng dân sự) được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015.

[3] Về nội dung: Ngày 06 tháng 02 năm 2015 Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang đã ký Hợp đồng tín dụng số 163/TDH/2015/240 với ông Hoàng Trung T để cho ông vay số tiền 130.000.000đ *(Một trăm ba mươi triệu đồng),* mục đích vay để mua sắm vật dụng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn cho vay là 48 tháng, không có tài sản bảo đảm, lãi suất kỳ đầu tiên cố định 0%/năm trong 3 tháng đầu *tiên (Khách hàng được hưởng ưu đãi theo chương trình "Vốn vay kịp thời - cơ hội kịp lúc").* Sau thời gian ưu đãi lãi suất cho vay được áp dụng theo công thức: LSCV = Lãi suất tiết kiệm 13 tháng, lãi trả sau + 4,2%/năm. Phương thức trả nợ gốc và lãi: Trả gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả vào ngày 25 hàng tháng. Gốc trả làm 48 kỳ, 47 kỳ đầu trả 2.708.000đ, kỳ cuối trả 2.724.000đ; Kỳ hạn trả lãi: Trả vào 25 hàng tháng, theo dư nợ gốc giảm dần. Khi thực hiện khoản vay với Ngân hàng ông T đang công tác tại Uỷ ban MTTQ huyện Q, tỉnh Hà Giang. Căn cứ vào thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng và xác nhận của Uỷ ban MTTQ huyện Q, ngày 06/02/2015 Ngân hàng đã giải ngân cho ông Hoàng Trung T vay số tiền 130.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã vi phạm cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng và để phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ và thực hiện nhiều biện pháp để xử lý, thu hồi nợ nhưng ông T không hợp tác và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú. Tính đến thời điểm xét xử ngày 12/8/2019 ông T còn nợ Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi là 93.314.919,đ. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T phải trả số tiền gốc, lãi nêu trên là có căn cứ.

Bị đơn ông Hoàng Trung T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên không đưa ra được quan điểm, yêu cầu của mình.

Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc đề nghị ông T phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày Toà án xét xử vụ án là có cơ sở, bởi lẽ: Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng số 163/TDH/2015/240 ngày 06 tháng 02 năm 2015, ông T đã vay được tiền nhưng không thực hiện trả nợ theo cam kết để phát sinh nợ quá hạn , không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cả gốc và lãi kể từ ngày 25/3/2017/ đến nay. Hiện nay ông T cố tình trốn tránh nghĩa vụ và đã nghỉ việc, bỏ đi khỏi nơi cư trú, trước khi thay đổi địa chỉ

nơi cư trú không thông báo cho chính quyền địa phương và Ngân hàng biết về việc thay đổi địa chỉ nơi cư trú. Do đó, căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 280, Điều 357 BLDS năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; Buộc ông T phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi, cụ thể: Dư nợ gốc là 65.008.000đ; Lãi dự thu là 8.004.537,đ; Lãi phạt dự thu là 2.613.426,đ; Gốc phạt dự thu là 17.688.956,đ. Tổng số nợ tính ngày xét xử 12/8/2019 là 93.314.919,đ và lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 13/8/2019 đến khi ông T trả hết nợ.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; điểm b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 280; Điều 357 BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016).*

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang về việc yêu cầu ông Hoàng Trung T trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 163/TDH/2015/240 ngày 06 tháng 02 năm 2015.

Xử: Buộc ông Hoàng Trung T phải có trách nhiệm trả số nợ cho Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang số tiền 93.314.919,đ *(Chín mươi ba triệu ba trăm mười bốn nghìn chín trăm mười chín đồng),* trong đó: Nợ gốc là 65.008.000đ *(Sáu mươi lăm triệu không trăm không tám nghìn đồng)*; Lãi dự thu là 8.004.537,đ *(Tám triệu không trăm không bốn nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng)*; Lãi phạt dự thu là 2.613.426,đ *(Hai triệu sáu trăm mười ba nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng)*; Gốc phạt dự thu là 17.688.956,đ *(Mười bảy triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Hoàng Trung T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 4.665.000,đ *(Bốn triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*. Trả lại cho

Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang số tiền tạm ứng án phí 2.177.000đ *(Hai triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)* đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 001130 ngày 11/3/2019 *(do ông Nguyễn Trung T nộp thay)*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Hoàng Trung T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh.
- VKSND TP. H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. H;
- Lưu HS - BP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Mỹ Lệ